TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/**2024/HNGĐ- ST
Ngày 14/8/2024
V/v "Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thể

2. Ông Hoàng Văn Hùng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2024/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2024 *"Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 30/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị P trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục.

Anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 03/9/2014 tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn hai vợ chồng làm ăn, sinh sống tại thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách, công việc và cách nuôi dạy con cái. Anh T thường xuyên có hành vi dọa nạt, đánh đập chị và bắt chị phải nghe theo anh T. Đến giữa năm 2023 do không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị đã về nhà mẹ đẻ tại thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang sinh sống từ đó cho đến nay. =Hai gia đình đã hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được mà ngày càng càng trầm trọng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

1.2. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Duy P1, sinh ngày 28/02/2015 và Nguyễn Duy T1, sinh ngày 01/12/2023. Hiện nay cả 02 cháu đang ở cùng chị. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và giao cháu P1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên hiện tại anh T không có mặt tại địa phương nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Không có yêu cầu cấp dưỡng. Trường hợp sau này anh T có đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với cháu P1 thì chị cũng nhất trí.

1.3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Nguyễn Duy T đến để giải quyết vụ án nhưng anh T đều không có mặt. Kết quả xác minh tại địa phương xác định được hiện nay anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Nguyễn Duy T2 là bố đẻ của anh T thì anh T và chị P có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau ngày cưới anh chị về chung sống tại thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023 anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề tình cảm vợ chồng dẫn đến chị P đã cãi nhau và bỏ nhà đi từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Hiện nay anh T đang đi làm ăn xa nhà, địa chỉ và nơi làm việc của anh T thì gia đình ông không nắm được nên không thể cung cấp cho Tòa án. Bản thân anh T có biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị P, gia đình cũng đã nhận được các văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết, tuy nhiên anh T xác định không về được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cho thấy: Anh Nguyễn Duy T và chị Đinh Thị P kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn P, xã Đ, huyện S. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo thôn được biết là liên quan đến vấn đề tình cảm của hai vợ chồng, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Chị P cũng đã bỏ nhà đi từ thời gian đó. Về con chung anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy P1, sinh năm 2015 và cháu Nguyễn Duy T1, sinh năm 2023.

Về tài sản đất đai, công nợ chung thì thôn không nắm được. Hiện tại anh T đi làm ăn xa, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà; về địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới của anh T thì thôn không nắm được do vậy không có căn cứ cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định *về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,* tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Đinh Thị P: Xử cho chị Đinh Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

- Giao cháu Nguyễn Duy P1, sinh ngày 28/02/2015 và cháu Nguyễn Duy T1, sinh ngày 01/12/2023 cho chị Đinh Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Nguyễn Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Đinh Thị P xác định không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tố tụng: Chị Đinh Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy T, đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; anh Nguyễn Duy T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1, Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị P và anh Nguyễn Duy T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 03/9/2014 tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị P xác nhận mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ năm 2022 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường xuyên có hành vi dọa nạt, đánh đập và áp đặt chị. Anh chị đã chính thức ly thân từ giữa

năm 2023 không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Lời khai của chị P phù hợp với lời khai của bố đẻ anh T và kết quả xác minh tại địa phương. Như vậy, thực tế cuộc sống vợ chồng của chị P và anh T đã không tồn tại, cả hai đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ hay cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị P là xử cho chị P được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Duy P1, sinh ngày 28/02/2015 và Nguyễn Duy T1, sinh ngày 01/12/2023. Hiện nay cả 02 cháu đang ở cùng chị P. Chị P đề nghị được quyền nuôi con và không có yêu cầu cấp dưỡng. Cháu P1 có nguyện vọng ở cùng B. Tuy nhiên, do hiện tại anh T không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao hai cháu Nguyễn Duy P1 và Nguyễn Duy T1 cho chị Đinh Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Đinh Thị P xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị P về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* đối với anh Nguyễn Duy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Duy T *(Giấy chứng nhận kết hôn số 29 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 03/9/2014 cho chị Đinh Thị P và anh Nguyễn Duy T).*

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy P1, sinh ngày 28/02/2015 và cháu Nguyễn Duy T1, sinh ngày 01/12/2023 cho chị Đinh Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị P phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000692 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001150506 ngày 23/4/2024 tại Cổng dịch vụ công quốc gia). Anh Nguyễn Duy T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị P và anh Nguyễn Duy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Ma Quốc Thể - Hoàng Văn Hùng	**Phạm Thị Thùy Trâm**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND xã Đông Lợi (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trâm